TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 05-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm

2. Bà Võ Thị Thúy An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc *"tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc D trình bày: Chị và anh Nguyễn Chí C kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2007. Thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh C thường đánh đập chị vô cớ, hiện nay không thể chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 04/02/2008 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 29/5/2010. Hiện 2 con chung đang sống

với anh C, do phía gia đình chồng qua bắt con. Chị D xin nuôi cháu Ngọc C, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Chí C trình bày: Anh và vợ là chị Trần Thị Ngọc D kết hôn vào năm 2006, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường bất đồng ý kiến, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Đến ngày 19/4/2014 vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay anh thống nhất ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 04/02/2008 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 29/5/2010. Hiện 2 con chung đang sống với anh C. Anh xin nuôi 2 con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh C; về con chung: xét thấy các cháu có nguyện vông sống với anh C và hiện đang được anh C nuôi dạy tốt, cuộc sống được đảm bảo. Vì vậy, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao các con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Chí C có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng*: Chị D và anh C tự nguyện kết hôn vào năm 2006, được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bình Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.Về nguyên nhân xin ly hôn theo chị D trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân từ năm từ tháng 4/2014 cho đến nay. Thấy rằng mâu thuẫn giữa anh chị chưa phải là trầm trọng nhưng hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cùng nhau thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Chị D kiên quyết ly hôn, anh C

đồng ý. Do đó HĐXX áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh C.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 04/02/2008 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 29/5/2010. Hiện 2 con chung đang sống với anh C. Xét thấy các cháu có nguyện vông sống với anh C và hiện đang được anh C nuôi dạy tốt, cuộc sống được đảm bảo. Tại phiên tòa, chị D cũng thống nhất giao 2 con chung cho anh C tiếp tục nuôi. Vì vậy, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu C và cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] *Về cấp dưỡng*: Anh C không yêu cầu nên không xem xét.

Chị D có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung*: Chị D và anh C không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí xin ly hôn:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị D chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005443 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc D và anh Nguyễn Chí C.

2- Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 04/02/2008 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 29/5/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện 2 con chung đang sống với anh C.

Chị D có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị D chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005443 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm